KẾT QUẢ THI THI LTD, NGỮ ÂM KHỐI SNA.10

Ngày thi: 06.12.2012 **Phòng thi: 802 C**

TT	HỌ VÀ	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	Lớp	LTD	Ngữ Âm	Ghi chú
1	Phạm Thị Kim	Anh	09.09.1991	Thái Bình	SNA2.10	5.5	7.5	
2	Nguyễn Ngọc	Ánh	18.09.1989	Hà Nội	SNA1.10	8.0	7.5	
3	Phạm Hồ	Chung	22.08.1991	Chlb Đức	SNA4.10	7.0	8.0	
4	Lê Minh	Đức	14.01.1991	Hà Nội	SNA4.10	6.5	6.0	
5	Nguyễn Thị Thùy	Dung	05.09.1990	Hải Dương	SNA2.10	6.0	7.5	
6	Nguyễn Bình	Dương	04.11.1991	Hà Tây	SNA4.10	6.5	7.5	
7	Đỗ Thị Thái	Hà	25.09.1991	Vĩnh Phú	SNA4.10	6.5	8.0	
8	Đỗ Thị Thu	Hà	25.09.1991	Vĩnh Phú	SNA2.10	6.0	8.0	
9	Lê Thị Thúy	Hà	23.12.1986	Phú Thọ	SNA2.10	5.0	7.0	
10	Lê Mỹ	Hạnh	06.09.1990	Hà Nội	SNA4.10	6.5	8.0	
11	Lê Quỳnh	Hoa	30.07.1991	Ninh Bình	SNA2.10	6.5	7.5	
12	Nguyễn Thị	Hoa	05.04.1991	Bắc Giang	SNA4.10	6.5	7.0	
13	Nguyễn Thị	Hoa	28.11.1991	Hà Nội	SNA4.10	1.0	7.5	
14	Đặng Kim	Huệ	04.09.1991	Hà Nội	SNA4.10	7.0	8.0	
15	Đỗ Mỹ	Hương	18.12.1991	Hà Nội	SNA4.10	7.0	7.5	
16	Vũ Thị Thanh	Hương	31.03.1991	Hà Nội	SNA2.10	6.5	7.5	
17	Trần Thị Thu	Hường	11.10.1991	Thái Bình	SNA2.10	6.0	7.5	
18	Nguyễn Diệu	Huyền	23.04.1990	Cao Bằng	SNA1.10	6.5	8.0	
19	Nguyễn Thị Thu	Huyền	14.10.1991	Ucraina	SNA2.10	6.5	8.0	
20	Nguyễn Thị	Lan	07.10.1990	Hà Nội	SNA2.10	7.0	8.0	
21	Nguyễn Thị Hương	Liên	14.11.1991	Hà Nội	SNA2.10	6.0	7.0	
22	Lê Xuân	Linh	03.07.1991	Hà Nội	SNA2.10	7.0	7.5	
23	Nguyễn Thùy	Linh	13.08.1991	Vĩnh Phú	SNA4.10	6.5	8.0	
24	Nguyễn Thị	Mai	26.01.1991	Hải Dương	SNA2.10	6.0	7.5	
25	Phạm Nguyệt	Minh	12.11.1991	Hà Nội	SNA4.10	7.0	8.0	
26	Nguyễn Trà	My	20.10.1991	Hà Nội	SNA4.10	7.0	7.5	
27	Nguyễn Thị Thúy	Ngà	12.10.1990	Hưng Yên	SNA2.10	6.5	8.0	
28	Vũ Ngọc Khánh	Ngân	27.10.1991	Hà Nội	SNA2.10	0.0	0.0	
29	Kim Thị	Ngọc	24.10.1991	Hà Nội	SNA4.10	6.5	7.0	
30	Đặng Thị Thanh	Nhàn	18.12.1991	Hưng Yên	SNA4.10	7.0	7.5	
31	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	15.09.1991	Hà Tây	SNA4.10	6.5	8.0	
32	Khổng Thị	Phượng	18.04.1991	Vĩnh Phú	SNA4.10	6.0	7.5	
33	Trần Thị Lệ	Quyên	18.09.1991	Hà Nội	SNA2.10	6.0	7.5	
34	Đặng Thị Minh	Tâm	16.10.1991	Hải Hưng	SNA2.10	8.0	8.0	
35	Đỗ Thị Thanh	Thịnh	23.02.1990	Hà Nội	SNA2.10	6.0	7.0	
36	Đỗ Minh	Thùy	09.12.1991	Phú Thọ	SNA2.10	6.5	7.5	
37	Hoàng Thị	Thùy	12.07.1989	Hà Nội	SNA2.10	7.5	7.5	
38	Kim Thị Thu	Thủy	10.09.1991	Vĩnh Phúc	SNA2.10	6.5	8.0	
39	Tô Thanh	Thủy	02.07.1991	Nam Định	SNA4.10	7.0	7.5	
40	Bùi Thị	Trang	25.03.1990	Thái Bình	SNA4.10	7.5	8.0	
41	Nguyễn Huyền	Trang	21.10.1991	Hà Nội	SNA4.10	7.0	8.0	
42	Nguyễn Thị Thu	Trang	13.03.1989	Hà Sơn Bình	SNA4.10	6.5	8.0	
43	Nguyễn Thục	Trang	30.11.1990	Lâm Đồng	SNA4.10	7.0	7.5	
44	Dương Thị Hồng	Vân	01.03.1991	Hà Nội	SNA2.10	6.5	8.0	
45	Phan Thị Bích	Việt	07.04.1991	Hà Nội	SNA2.10	7.0	7.5	
46	Vũ Thị Hải	Yến	11.12.1990	Hà Nam	SNA2.10	6.5	7.5	
47	Bùi Phương	Thảo	16.05.1986	Yên Bái	SNA.09	7.0		
48	Phạm Phương	Thảo	13.11.1989	Hà Nội	SNA.09		7.5	
49	Phạm Phương	Anh	12.08.1989	Hà Nội	SNA.09	7.0		
50	Nguyễn Thị Thu	Ngà	06.09.1989	Hải Phòng	SNA.09	6.5		

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

TRƯỞNG KHOA